

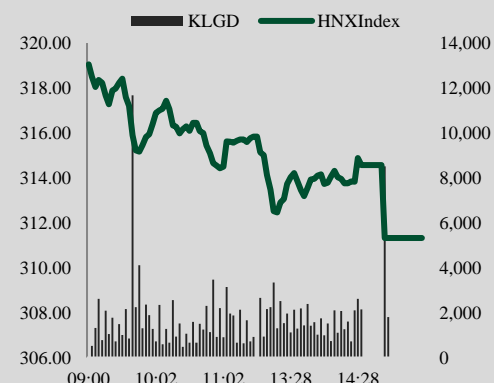
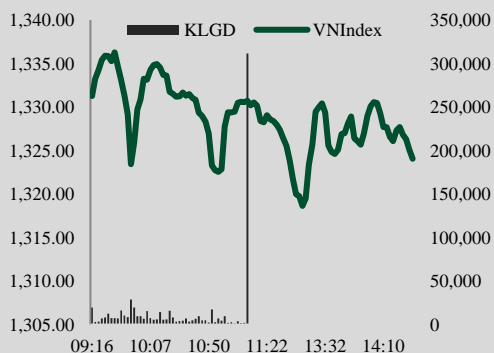
TIÊU ĐIỂM

VN-Index điều chỉnh giảm trở lại sau phiên tăng điểm mạnh trước đó. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên liền trước nhưng vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,323.58	311.32
Thay đổi	-0.70%	-1.75%
KLGD (cổ phiếu)	723,488,009	149,179,003
GTGD (tỷ VND)	25,351.76	3,609.71

Số cổ phiếu tăng giá	162	73
Số cổ phiếu đứng giá	49	56
Số cổ phiếu giảm giá	236	150

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,453.00	-6.00
VN30F2M	1,445.90	-5.10
VN30F1Q	1,438.00	-12.00
VN30F2Q	1,432.30	-11.00



SẮC ĐỎ QUAY TRỞ LẠI, VN INDEX GIẢM GẦN 10 ĐIỂM

- **VN-Index điều chỉnh giảm trở lại sau phiên tăng điểm mạnh trước đó. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên liền trước nhưng vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao.**
- VN Index mở cửa tăng điểm ngay từ đầu phiên nhờ sự hỗ trợ tâm lý đến từ những diễn biến tích cực trên thị trường trong khu vực châu Á. Diễn biến chủ đạo của chỉ số trong phiên sáng và nửa đầu phiên chiều là giằng co quanh mốc 1,330 với sự phân hóa mạnh ở nhóm trụ cột. Nửa sau phiên chiều chứng kiến các cổ phiếu ngân hàng như VPB, VCB, BID... đều chìm trong sắc đỏ và khiến VN-Index có thời điểm giảm gần 20 điểm về mức thấp nhất ngày tại 1,317.49. Tuy nhiên, nhờ sự bứt phá mạnh của các cổ phiếu vốn hóa lớn khác về cuối phiên mà diễn hình là VNM và HPG, VN Index thu hẹp đà giảm còn 9.32 điểm (-0.70%) và đạt mức 1,323.58, trong khi HNX dừng tại mức 311.32 (-1.75%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và đạt gần 30,000 tỷ VND trên cả ba sàn.
- VN - Index vẫn đang vận động tích lũy trong biên độ hẹp (1,330 +/-10 điểm). Theo đó, tâm lý nhà đầu đang dần trở nên ổn định hơn ngay cả trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn đang có những diễn biến phức tạp mới. Chúng tôi thấy rằng mặc dù VN-Index giảm điểm nhưng thanh khoản lại thấp hơn so với phiên liền trước, cho thấy nhịp giảm này phần nhiều đến từ một bộ phận nhà đầu tư đã đạt lợi nhuận kỳ vọng sau giai đoạn tăng “nóng” của VN-Index trong thời gian qua.

Khuyến nghị

- Với bối cảnh hiện tại, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tạm thời vẫn chưa nên giải ngân mới mà thay vào đó tiếp tục quan sát thêm sự vận động của dòng tiền trong một số phiên tới cùng với các diễn biến trên thị trường để có thể kịp thời tận dụng cơ hội ngay khi thị trường xuất hiện tín hiệu đảo chiều đủ tin cậy.
- *Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q1.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.*

Đánh giá triển vọng thị trường

Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
TÍCH CỰC	TÍCH CỰC	TÍCH CỰC

Một số tin tức đáng chú ý

- **Giá xăng ngày mai có thể tăng.** Giá thế giới đi lên trong 15 ngày qua nên giá xăng trong nước ở kỳ điều chỉnh ngày mai có thể tăng 200-300 đồng một lít.
- **Lạm phát ở Mỹ sẽ đạt mức lịch sử trong tháng 5.** Lạm phát đã âm lên vào mùa xuân và dự kiến sẽ đạt mức cao nhất trong 28 năm qua vào tháng 5. Theo Dow Jones, dự báo được đồng thuận về chỉ số giá tiêu dùng cốt lõi, không bao gồm thực phẩm và năng lượng, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây sẽ là tốc độ tăng hàng năm nhanh nhất trong 28 năm qua.

Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGUỖNG CẮT LỖ	NGUỖNG CHỐT LỜI	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
GVR	03/06/2021	Đang nắm giữ	09/06/2021	27.75 – 28.25	28.50	26.60	32.20	1.79%	Cổ phiếu vốn hóa lớn, nhận được sự chú ý của dòng tiền và có tiềm năng tăng trưởng tốt trong năm 2021
VRE	07/05/2021	Đang nắm giữ	10/05/2021	30.50 – 31.00	30.80	29.20	35.40	0.16%	Cổ phiếu dẫn dắt thị trường và nhận được sự chú ý của dòng tiền, đi cùng các thông tin hỗ trợ tích cực về kế hoạch trả cổ tức và kết quả kinh doanh

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH TẠI NGÀY KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B
ACB	31.10	36.70	34.10	9.65%	2.06	25.63	2.81	10.68	2.43
CTG	37.90	42.05	49.50	30.61%	1.38	20.93	3.68	10.39	2.02
DGC	59.50	82.40	72.80	22.35%	18.30	24.60	4.99	13.23	3.01
DXG	23.85	28.20	23.60	-1.05%	-0.14	-0.47	-0.96	-	1.83
GMD	32.20	41.00	40.20	24.84%	3.98	6.18	1.15	32.27	2.00
HPG	47.15	62.40	51.60	9.44%	14.74	31.30	2.85	12.72	3.49
NKG	23.15	26.40	30.10	30.02%	6.34	17.46	1.67	9.05	1.48
PET	21.80	29.30	20.85	-4.36%	2.56	9.65	1.53	11.32	1.10
PGV	18.30	24.70	17.30	-5.46%	2.40	13.03	1.67	10.37	1.27
TPB	26.90	33.10	35.25	31.04%	1.95	24.13	3.40	9.25	2.03
TV2	59.70	87.70	51.80	-13.23%	8.70	21.64	7.28	7.90	1.56

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	47.55	25.00%	5.26%	18.47	19.71	5.94	7.75	1.49	
FOC	107.50	200.00%	18.60%	18.98	24.16	9.99	10.76	2.43	
GHC	30.00	27.00%	9.00%	7.85	18.68	4.14	7.24	1.51	
HLD	32.60	10.00%	3.07%	10.84	15.93	3.71	8.99	1.47	
LHG	38.80	15.00%	3.87%	6.23	13.09	3.66	11.54	1.47	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	72.00	75.00%	10.42%	35.81	39.64	7.49	9.24	4.09	
NT2	19.30	25.00%	12.95%	7.76	12.79	2.10	10.31	1.35	
RAL	198.80	50.00%	2.52%	9.77	35.22	29.23	6.26	2.01	
PPC	23.75	20.00%	8.42%	14.93	16.48	3.15	7.51	1.22	
VEA	46.10	35.00%	7.59%	18.35	21.41	4.17	11.07	2.44	*: Ước tính cho năm 2020

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN – Index vẫn dao động trên trên đường MA 10 và 20 cho thấy đà tăng vẫn đang tiếp diễn, tuy nhiên có thể sẽ chậm lại do đường giá đang tiệm cận vùng trên của Bollinger Bands cũng như chỉ báo RSI đang tiến dần đến vùng quá mua. Ngưỡng kháng cự tại 1,370 – 1,375, ngưỡng hỗ trợ tại 1,250 – 1,260.

Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	STK	37.00	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 35.00 Chốt lời: 42.00



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VNM	92,200	3.48	1.769	5.62MLN
HPG	51,600	2.58	1.176	29.31MLN
SAB	160,000	1.98	0.543	690,600
SSB	41,300	2.74	0.363	3.34MLN
VCI	90,400	6.98	0.268	4.89MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VND	37,700	4.58	0.390	18.16MLN
PVI	39,100	9.83	0.176	721,949
VCS	100,800	2.13	0.096	369,447
LAS	12,400	5.08	0.034	1.71MLN
CSC	47,400	4.18	0.029	333,925

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	116,500	-1.94	-2.134	2.93MLN
VHM	104,100	-1.89	-1.837	3.37MLN
BID	43,900	-3.41	-1.710	4.46MLN
CTG	49,500	-1.98	-1.021	11.56MLN
GVR	28,500	-2.73	-0.878	4.22MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	29,500	-5.75	-3.962	21.91MLN
PVS	26,900	-5.28	-0.512	15.72MLN
BAB	26,600	-1.85	-0.455	90,700
NVB	18,900	-3.57	-0.410	7.33MLN
THD	193,000	-0.52	-0.375	1.02MLN

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE

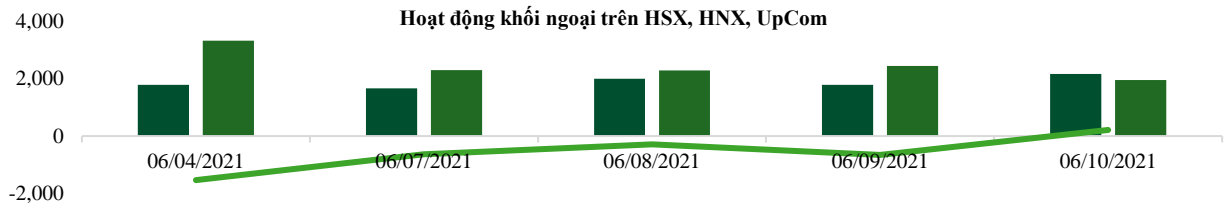
Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
DPG	1,892.24	42,050	1,492,300	7.00
CMX	465.25	15,300	582,600	6.99
DCM	10,138.01	19,150	10,617,500	6.98
VCI	15,051.60	90,400	4,892,700	6.98
IDI	1,577.58	6,930	4,854,000	6.94

HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
VC2	214.50	14,300	65,318	10.00
PVI	8,739.58	39,100	721,949	9.83
LAS	1,399.42	12,400	1,711,473	5.08
VND	8,087.20	37,700	18,162,646	4.58
CSC	1,020.28	47,400	333,925	4.18

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q1.2020 (Tỷ VND)	LNST Q1.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	VPG	38.05	361,400	0.33	138.49	41866.67%
2	VC3	19.90	428,200	0.38	13.95	3571.05%
3	HAX	23.95	331,000	3.15	55.56	1663.81%
4	SMC	36.10	855,600	14.48	215.62	1389.09%
5	TVC	15.00	2,492,630	9.45	123.34	1205.19%
6	NDN	23.00	505,560	3.75	48.13	1183.47%
7	VND	37.70	18,162,646	58.15	499.86	759.60%
8	NKG	30.10	3,409,300	41.49	318.79	668.35%
9	DXG	23.60	20,089,200	93.69	711.79	659.73%
10	SHS	36.80	10,952,479	46.57	270.81	481.51%



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
HPG	51,600	264,223.70	97,360.79	166,862.91
VNM	92,200	157,770.17	67,021.07	90,749.10
SSI	47,000	98,123.22	7,629.81	90,493.41
VCB	101,800	63,299.60	9,432.34	53,867.26
STB	28,900	52,616.64	9,384.61	43,232.03

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
PVI	39,100	22,154.15	1,808.73	20,345.42
PVS	26,900	11,365.08	102.42	11,262.66
SHS	36,800	5,165.68	37.00	5,128.68
PAN	26,700	1,147.50	-	1,147.50
NSC	79,800	1,098.20	23.62	1,074.58

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VEA	46,100	18,967.21	6,102.53	12,864.68
VTP	98,000	4,926.78	274.21	4,652.57
MML	59,500	3,952.49	-	3,952.49
BSR	18,400	837.04	1.86	835.18
ACV	69,800	4,054.21	3,561.10	493.11

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
DXG	23,600	14,068.42	170,596.35	156,527.93
NVL	103,600	54,411.29	128,531.54	74,120.25
SAB	160,000	70,371.70	125,631.00	55,259.30
VIC	116,500	58,776.47	99,428.99	40,652.52
GEX	22,000	5,233.31	45,715.80	40,482.49

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VND	37,700	1,622.39	99,731.94	98,109.55
BVS	27,300	-	1,026.66	1,026.66
NTP	48,900	-	969.76	969.76
THD	193,000	-	920.35	920.35
PVC	11,600	-	493.60	493.60

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VRG	24,900	-	684.09	684.09
GHC	30,000	-	597.20	597.20
QNS	39,400	3.90	388.00	384.10
HD2	7,700	-	109.21	109.21
PVM	25,000	-	94.62	94.62

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn